

**CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT - HÀN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VIỆT - HÀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET-HAN INVESTMENT AND TRADING PROMOTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET HAN IATP CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107500615

**3. Ngày thành lập:** 11/07/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 293, đường Ngọc Hồi, Thị trấn Văn Điển, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.861.5580

Fax:

Email: [xttmviethan@gmail.com](mailto:xttmviethan@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                               | 5610                                                         |
| 2.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Gồm có: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;                          | 4932                                                         |
| 3.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Gồm có: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;                                                                                                                                                                                            | 4933                                                         |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                      | 8230(Chính)                                                  |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;                                                                                                                                                              | 8299                                                         |
| 6.  | Giáo dục mầm non                                                                                                                                                                                                                                                               | 8510                                                         |
| 7.  | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                              | 8520                                                         |
| 8.  | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                | 8531                                                         |
| 9.  | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                           | 8532                                                         |
| 10. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                               | 8541                                                         |
| 11. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                                                                                                                                 | 8542                                                         |
| 12. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                  | 8551                                                         |
| 13. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                    | 8552                                                         |
| 14. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Gồm có: Dạy ngoại ngữ, dạy máy tính;                                                                                                                                                                                                   | 8559                                                         |
| 15. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                        | 8560                                                         |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710                                                         |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính); Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác chưa được phân vào đâu; | 7730                                                         |
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7911                                                         |
| 19. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                          | 7912                                                         |
| 20. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                                                                   | 7920                                                         |
| 21. | (Không bao gồm những ngành, nghề mà pháp luật cấm và chỉ kinh doanh sau khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật);                                                                                                                                                          | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 012013793

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 3, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn 3, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 26/12/1981      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 012013793

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 3, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn 3, Xã Duyên Hà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội